

---

# ĐẦU TƯ XANH CHO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG: NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM TẠI CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

**Vũ Thị Thanh Thủy**

*Trường Đại học Lao động - xã hội  
Email: thuyhuong7879@gmail.com*

**Đỗ Hồng Nhung**

*Trường Đại học Kinh tế Quốc dân  
Email: nhungdh@gmail.com*

Mã bài: JED - 338

Ngày nhận: 09/08/2021

Ngày nhận bản sửa: 26/09/2021

Ngày duyệt đăng: 05/12/2021

## **Tóm tắt:**

*Nghiên cứu này phân tích thực trạng, cơ sở tiền đề xây dựng nhận thức và hoạt động đầu tư xanh tại các doanh nghiệp Việt Nam. Chính phủ coi trọng tâm cho phát triển đầu tư xanh tại Việt Nam là cần thiết. Bằng việc khảo sát nhận thức về đầu tư xanh và phát triển bền vững của các doanh nghiệp, nghiên cứu tiến hành phân tích những điều kiện cần thiết cho phát triển đầu tư xanh để phát triển bền vững của các doanh nghiệp Việt Nam. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đề xuất một số khuyến nghị phát triển đầu tư xanh cho phát triển bền vững của các doanh nghiệp tại Việt Nam.*

**Từ khóa:** Tín dụng xanh, đầu tư xanh, trách nhiệm xã hội, phát triển bền vững.

**Mã JEL:** Q01, Q56, H54.

## **Green investment for stable development: An empirical study in Vietnamese firms**

### **Abstract:**

*This study focuses on the current situations as well as the basis for developing the understanding and operation of green investment in Vietnamese firms. The government has considered green investment as a necessary determinant for development in Vietnam. By examining the awareness of green investment and sustainable development of Vietnamese firms, this study analyses the conditions for promoting green investment for sustainable development of firms in Vietnam. Based on this analysis, some solutions for the green investment development of Vietnamese firms are proposed.*

**Keywords:** Green credit, green investment, social responsibilities, sustainable development.

**JEL codes:** Q01, Q56, H54.

## **1. Giới thiệu**

Đầu tư xanh là hoạt động sử dụng nguồn vốn xanh huy động của cả hai khu vực tư nhân và nhà nước để đầu tư vào trong các lĩnh vực: Cung cấp hàng hóa và dịch vụ môi trường như xử lý nước thải, bảo vệ sự đa dạng của hệ sinh thái và cảnh quan thiên nhiên; Ngăn ngừa, giảm thiểu hoặc đền bù các tổn hại tới môi trường hoặc khí hậu ví dụ như tiết kiệm năng lượng hay sử dụng năng lượng tái tạo.

Tại Việt Nam, đầu tư xanh là một cấu phần quan trọng trong chiến lược hình thành và phát triển hệ thống tài chính xanh. Để thúc đẩy tăng trưởng xanh, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành chương trình hành động nhằm gắn kết nguồn cung ứng xanh/nguồn vốn xanh và đầu tư xanh nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của nền kinh tế. Nguồn vốn xanh cho hoạt động đầu tư xanh ở Việt Nam còn rất nhiều hạn chế. Các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn khi huy động nguồn vốn này. Vì vậy, tín dụng ngân hàng vẫn là kênh huy động vốn chủ yếu cho các dự án phát triển bền vững, giảm phát thải và bảo vệ môi trường. Đây là sản phẩm vốn xanh đầu tiên, quan trọng của hệ thống tài chính xanh tại Việt Nam.

Mặc dù đầu tư xanh có vai trò quan trọng cho phát triển bền vững, song nguồn vốn và chính sách hỗ trợ doanh nghiệp lựa chọn dự án đầu tư xanh tại Việt Nam còn hạn chế. Những dự án đầu tư xanh chủ yếu có sự hợp tác hoặc tài trợ của các tổ chức quốc tế, cụ thể: Hiện đại hóa tài chính công (EU-PFMO); Xây dựng bộ công cụ đánh giá rủi ro môi trường xã hội (IFC và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam); Xây dựng các bộ chuẩn mực “Nguyên tắc xích đạo”.

Vì vậy, để thúc đẩy đầu tư xanh cho phát triển bền vững tại Việt Nam, nghiên cứu này tập trung phân tích thực trạng đầu tư xanh và đánh giá nhận thức về đầu tư xanh của các doanh nghiệp cho phát triển bền vững, cũng như vai trò trung tâm của Chính phủ trong tạo điều kiện hỗ trợ thúc đẩy đầu tư xanh của các doanh nghiệp.

## **2. Cơ sở lý thuyết**

### **2.1. Hệ thống tài chính xanh**

Tài chính xanh là một khái niệm rộng bao gồm những khoản đầu tư tài chính để hỗ trợ cho các sáng kiến và dự án phát triển bền vững, các sản phẩm môi trường và các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế bền vững. Trần Thị Thanh Tú & Nguyễn Thị Nhung (2017) đưa ra khái niệm tài chính xanh là một tập hợp đầy đủ các hình thức tài trợ cho công nghệ, dự án, ngành công nghiệp hay doanh nghiệp thân thiện với môi trường.

Trong nghiên cứu này, hệ thống tài chính xanh được hiểu là hệ thống tài chính cho phép luân chuyển nguồn tài chính tới các hoạt động đầu tư thông qua các trung gian tài chính và thị trường tài chính mà các hoạt động đầu tư đó phải đảm bảo các điều kiện xanh, bảo vệ môi trường và hướng tới phát triển bền vững. Khi đó, các bộ phận cấu thành của hệ thống tài chính xanh sẽ mang đặc điểm xanh, bao gồm: trung gian tài chính xanh, thị trường tài chính xanh, công cụ huy động vốn xanh hay nguồn vốn xanh, và đầu tư xanh.

### **2.2. Đầu tư xanh**

Theo quan điểm về hệ thống tài chính xanh, hệ thống tài chính xanh bao gồm hai thành phần chính quan trọng là nguồn vốn xanh và đầu tư xanh. Nói cách khác, đầu tư xanh là một bộ phận cấu thành của hệ thống tài chính xanh. Như vậy, đầu tư xanh được hiểu là hoạt động sử dụng nguồn vốn xanh huy động từ khu vực tư nhân và Nhà nước để đầu tư vào trong các lĩnh vực: Cung cấp hàng hóa và dịch vụ môi trường như xử lý nước thải, bảo vệ sự đa dạng của hệ sinh thái và cảnh quan thiên nhiên; Ngăn ngừa, giảm thiểu hoặc đền bù các tổn hại tới môi trường hoặc khí hậu ví dụ như tiết kiệm năng lượng hay sử dụng năng lượng tái tạo (UNESCAP, 2010).

Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) đã đưa ra quan điểm: đầu tư xanh là một thuật ngữ khá rộng, rất gần với các thuật ngữ đầu tư khác chẳng hạn đầu tư gắn với trách nhiệm xã hội (Socially responsible investing - SRI), đầu tư gắn với môi trường, xã hội và quản trị (Environmental, social and governance investing - ESG), đầu tư bền vững, đầu tư dài hạn (OECD, 2012). Eyraud & cộng sự (2013) đề cập đến đầu tư xanh là đầu tư cần thiết để giảm hiệu ứng khí nhà kính và ô nhiễm không khí mà không làm giảm đáng kể sản xuất và tiêu thụ hàng hóa năng lượng hoặc phi năng lượng.

Trong báo cáo năm 2012 về đầu tư xanh, OECD đi tìm câu trả lời cho 2 câu hỏi nghiên cứu sau: (i) Có sự đồng thuận rộng rãi về các định nghĩa “đầu tư xanh” hay là thuật ngữ này được sử dụng theo những cách khác nhau và trong các bối cảnh khác nhau không?; (ii) Có thể đề xuất xây dựng một định nghĩa rộng rãi về “đầu tư xanh” không? Báo cáo này cho rằng: “Không có một định nghĩa duy nhất giữa các nhà đầu tư về những gì mà đầu tư xanh đòi hỏi.

### **2.3. Lợi ích của đầu tư xanh**

Trong ngắn hạn, lợi ích của đầu tư xanh không dễ nhận ra. Thậm chí, lợi nhuận của nhiều doanh nghiệp sẽ sụt giảm do chi phí bỏ ra để thực hiện các khoản đầu tư xanh bao giờ cũng lớn hơn. Mặc dù vậy, vai trò của đầu tư xanh trong dài hạn, dưới cả góc độ nền kinh tế, doanh nghiệp và nhà đầu tư là khá lớn.

Xét trên góc độ nền kinh tế, Natural Economy Northwest (2009) cho rằng các khoản đầu tư xanh vào lĩnh vực cơ sở hạ tầng sẽ tạo ra 7 lợi ích lớn, bao gồm: Thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu, giảm nhẹ lũ lụt và quản lý nước, chất lượng chỗ ở, sức khỏe và sự khỏe mạnh, giá trị đất đai và tài sản, năng suất lao động và du lịch.

#### 2.4. Rào cản tài chính và điều kiện thúc đẩy đầu tư xanh cho phát triển bền vững

Mặc dù, đầu tư xanh mang lại khá nhiều lợi ích cho nền kinh tế, song đầu tư xanh với những đặc thù chưa thể phát triển do những rào cản khi đầu tư. Các rào cản khi đầu tư vào các dự án năng lượng xanh hay năng lượng tái tạo được chia theo 03 nhóm: Nhóm rào cản về mặt cung, nhóm rào cản về mặt cầu và nhóm rào cản liên quan tới điều kiện (khuôn khổ) thực hiện các dự án.

Như vậy, đầu tư xanh đòi hỏi nguồn tài trợ đủ lớn, đủ dài để giải quyết bài toán đánh đổi giữa lợi nhuận kỳ vọng và rủi ro, cũng như các vấn đề phát sinh liên quan tới quy mô vốn và thời hạn đầu tư. Vì vậy, đầu tư xanh chỉ có thể được thúc đẩy khi các doanh nghiệp nhận được sự hỗ trợ từ các chính sách cũng như nguồn cung vốn xanh. Một số điều kiện gồm:

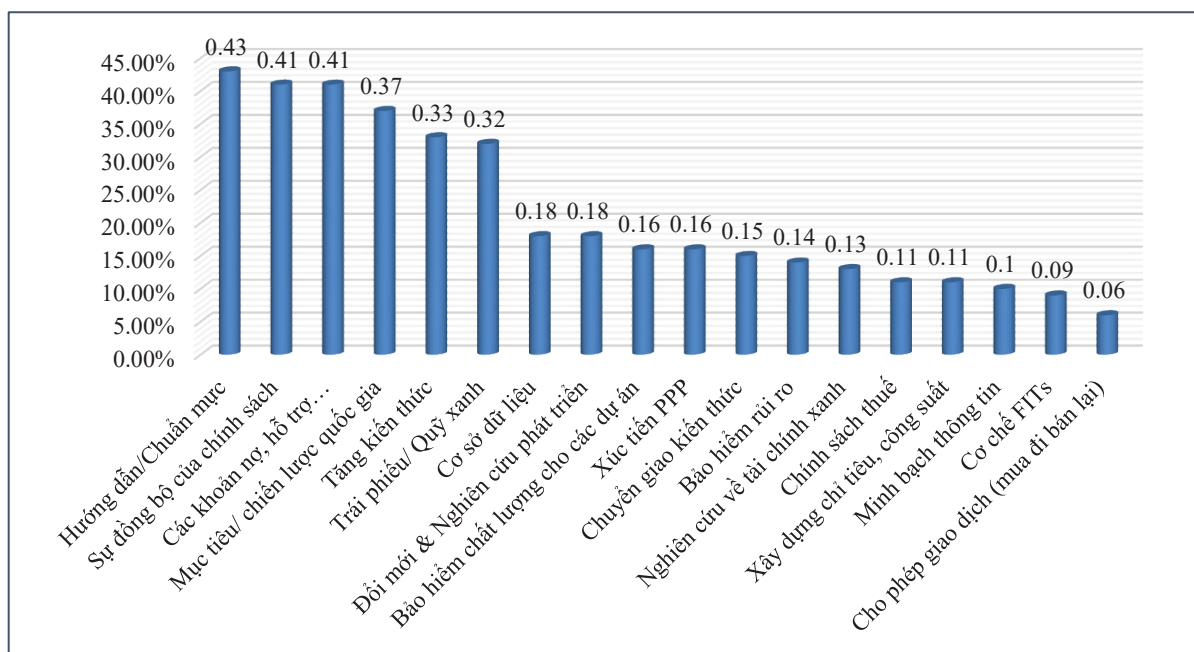
Các điều kiện khung có 3 khía cạnh: thị trường đầu tư (như thị trường năng lượng), các quy định về đầu tư xanh và các đối tác. Các điều kiện được đánh giá là tốt chỉ khi góp phần thu hút sự tham gia của các nhà đầu tư tư nhân.

Điều kiện về nguồn cung tài chính xanh, nhu cầu tài chính xanh ở nhiều nước đang phát triển phải đối mặt với những trở ngại nghiêm trọng, bao gồm: Thiếu vốn và/hoặc các điều kiện tài chính không phù hợp; Thiếu các công cụ và thiếu các tổ chức tài chính địa phương; Thiếu kiến thức ngành và sẵn sàng đầu tư vào năng lượng xanh, mức độ nhận thức và hiểu biết về năng lượng xanh thấp và không đủ thông tin để phân tích đầu tư một cách cẩn thận; Các yêu cầu về thể chấp cao. Nhìn chung, thiếu nguồn tài chính dài hạn là vấn đề cốt lõi của việc tài trợ cho các dự án xanh ở các nước đang phát triển và ở Việt Nam.

Để phát triển và tài trợ các hoạt động đầu tư xanh, đầu tư xanh của doanh nghiệp cần được đánh giá theo 04 nhóm như sau: Các đánh giá về mặt tài chính bao gồm lợi nhuận, rủi ro, đa dạng hóa các đánh giá rủi ro dài hạn,...; Các đánh giá phi tài chính bao gồm sinh thái học, khoa học, tôn giáo, đạo đức, chính trị; Các đánh giá về danh tiếng của nhà đầu tư, danh tiếng của các công ty, công cụ Marketing, các áp lực từ phía phương tiện truyền thông; Đánh giá việc tuân thủ và thực hiện các nghiệp vụ ủy thác: quy định và pháp luật trong nước, các công ước quốc tế, mã ngành nghề đầu tư... Marian & cộng sự (2015). Trong đó, đánh giá về mặt tài chính được coi là nhóm chỉ tiêu chính, là cơ sở cho việc ra quyết định đầu tư. Ba nhóm đánh giá còn lại rất khó để lượng hoá.

Ở cấp độ vi mô, tiếp cận tài chính là một trong những rào cản chính đối với các doanh nghiệp phát triển đầu tư xanh. Các rào cản về tài chính là một vấn đề đặc biệt đối với những doanh nghiệp mới thành lập, có

**Hình 1: Các yêu cầu về hình thức hỗ trợ từ phía Chính phủ đối với tài chính xanh**



Nguồn: UAE Green Agenda 2015-2030.

hồ sơ hạn chế và nguồn tài chính hạn hẹp (Linnanen, 2002).

Ở cấp độ vĩ mô, vai trò của Chính phủ trong phát triển đầu tư xanh là rất lớn. Các nghiên cứu cũng chỉ rõ vai trò trọng tâm của Chính phủ trong phát triển đầu tư xanh. Nghiên cứu của các tác giả chỉ ra vai trò của Chính phủ Anh nỗ lực tháo gỡ các rào cản đối với đầu tư xanh thông qua việc đơn giản hoá các thủ tục, hỗ trợ quản lý rủi ro và nâng cao kỹ năng và đào tạo.

Thành công của một số nước như Mỹ, Anh, Hàn Quốc đã khẳng định vai trò trung tâm của Chính phủ trong việc ban hành chính sách hỗ trợ và thúc đẩy thành công dòng vốn tín dụng xanh vào hệ thống tài chính. Chính phủ Hàn Quốc đã thành lập Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính (KOTEC), một tổ chức phi lợi nhuận bảo lãnh tín dụng để giải quyết vấn đề về tài sản đảm bảo bắt buộc cho các dự án cho vay từ các ngân hàng thương mại.

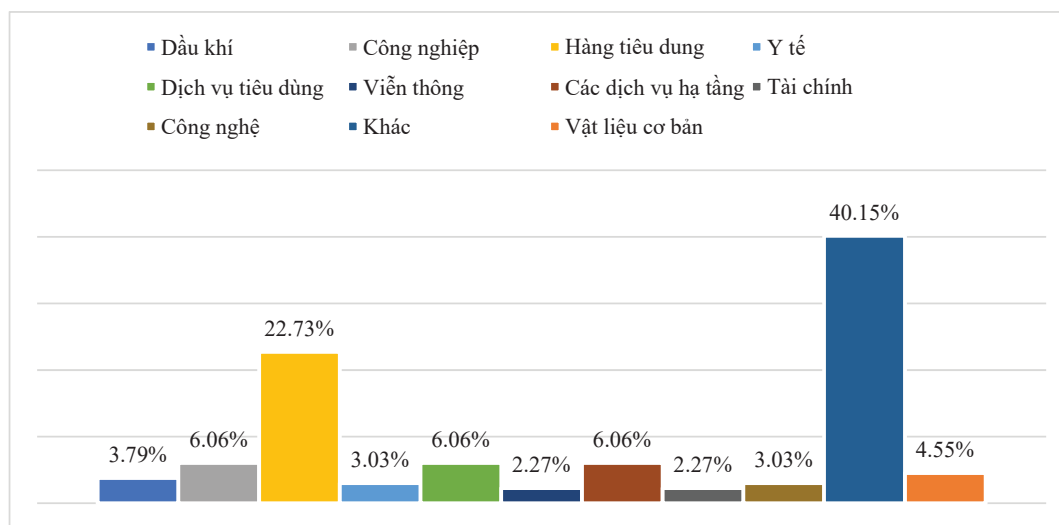
Như vậy, đầu tư xanh là bước tiến quan trọng trong tiến trình chuyển đổi từ nền kinh tế phát thải cacbon cao sang nền công nghiệp ít carbon. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, Chính phủ đóng vai trò vô cùng quan trọng.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

#### 3.1. Dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu đã tiến hành thu thập dữ liệu thông qua khảo sát 210 doanh nghiệp tại Việt Nam. Các doanh nghiệp này thuộc nhiều ngành, lĩnh vực hoạt động khác nhau. Mục tiêu khảo sát nhằm đánh giá việc các doanh nghiệp có quan tâm tới (i) đầu tư xanh; và (ii) phát triển bền vững. Các doanh nghiệp khảo sát được phân loại theo tiêu chí ngành kinh doanh (Hình 2).

Hình 2: Cơ cấu theo ngành kinh doanh của doanh nghiệp



Bên cạnh thông tin sơ cấp, nghiên cứu phân tích, đánh giá đầu tư xanh cho phát triển bền vững của doanh nghiệp kết hợp với các thông tin thứ cấp. Thông tin thứ cấp được tập hợp từ nguồn dữ liệu tin cậy trong các nghiên cứu chính sách và nghiên cứu khảo sát của các tổ chức có uy tín như Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP), Viện Tăng trưởng xanh Toàn cầu (GGGI), Quỹ môi trường toàn cầu (GEF), Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA), Ngân hàng Phát triển Á Châu (ADB), Cơ quan Phát triển Quốc tế của Hoa kỳ (USAID), World Bank (WB).

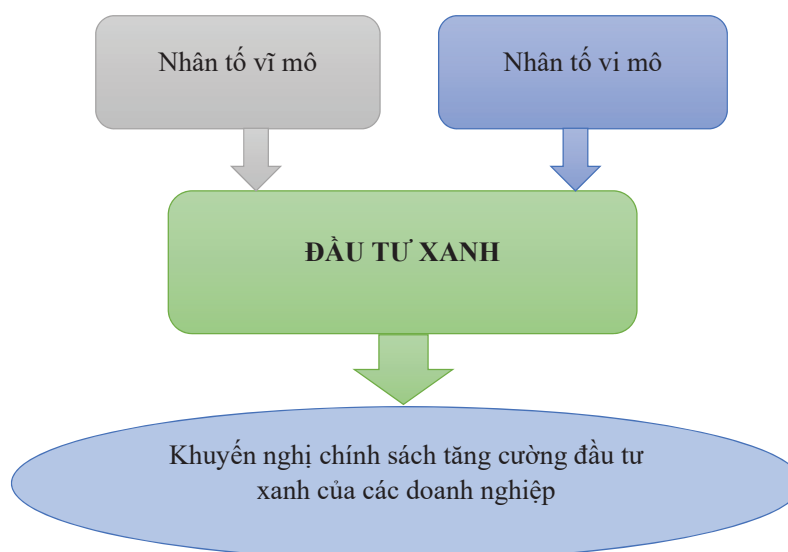
#### 3.2. Biến và mô hình nghiên cứu

Để đánh giá mức độ quan tâm của doanh nghiệp tới đầu tư xanh cho phát triển bền vững, những nhân tố tác động tới đầu tư xanh cho phát triển bền vững của các doanh nghiệp được phân tích và đánh giá. Những nhân tố này được phân tách thành 2 nhóm: (i) Nhóm nhân tố thuộc về phát triển bền vững của doanh nghiệp; (ii) Nhóm nhân tố thuộc về lựa chọn đầu tư xanh của doanh nghiệp.

##### 3.2.1. Cách tiếp cận và mô hình nghiên cứu

Khung phân tích được xây dựng để đạt được mục tiêu nghiên cứu như Hình 3.

**Hình 3: Khung nghiên cứu**



Trên cơ sở thông tin khảo sát, nhân tố tác động tới đầu tư xanh được kiểm định và nhận diện những nhân tố tác động tới đầu tư xanh cho phát triển bền vững của các doanh nghiệp nghiên cứu.

#### **4. Kết quả và thảo luận**

##### **4.1. Thực trạng đầu tư xanh tại Việt Nam**

###### **4.1.1. Chính sách của Nhà nước thúc đẩy đầu tư xanh**

Quan điểm phát triển bền vững cũng đã được thể hiện xuyên suốt trong các Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội tại nhiều kỳ đại hội Đảng. Ngày 25 tháng 9 năm 2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1393/QĐ-TTg phê duyệt chiến lược quốc gia về tăng trưởng Xanh thời kỳ 2012-2020 và tầm nhìn đến 2050 với 3 mục tiêu cụ thể trở thành chỉ tiêu quan trọng trong phát triển kinh tế-xã hội: (i) “Xanh hóa” sản xuất, (ii) Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, (iii) Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững.

Luật Đầu tư 2014 quy định về hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và hoạt động đầu tư kinh doanh từ Việt Nam ra nước ngoài, đã bổ sung nhiều quy định thể hiện yêu cầu phát triển bền vững của hoạt động đầu tư kinh doanh. Thêm vào đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng phối hợp với WB và các nhà tài trợ đánh giá và cung cấp nguồn vốn hợp tác phát triển chính thức (ODA) cho các hành động của chiến lược tăng trưởng xanh.

###### **4.1.2. Tổ chức Quốc tế tham gia đầu tư xanh tại Việt Nam**

Thông qua các cam kết trong thực hiện chiến lược đầu tư, ngày càng nhiều đối tác phát triển đã tham gia Liên minh xanh với Việt Nam như UNDP, GGGI, GEF, KOICA, Belgium, EU, ADB, USAID, WB. Các tổ chức hỗ trợ về mặt cung cấp vốn và trực tiếp tham gia đồng thực hiện, hỗ trợ kỹ thuật một số dự án đầu tư xanh tại Việt Nam.

Hợp tác với Chính phủ Việt Nam từ 2011, GGGI cũng đã làm việc với Bộ Công thương Việt Nam phác thảo tiềm năng và xây dựng kế hoạch năng lượng sinh học cho tỉnh Sóc Trăng, Đà Nẵng, Bến Tre. GGGI còn hỗ trợ Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEDF) thiết lập một bộ tiêu chí bao gồm tăng trưởng xanh, bình đẳng giới và tính đổi mới trong doanh nghiệp hỗ trợ xác định các dự án ưu tiên và hướng dẫn cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận nguồn tài chính từ SMEDF cho các dự án xanh. Năm 2013, Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (VEPF) được phê duyệt thực hiện Dự án “Quản lý ô nhiễm các khu công nghiệp thuộc lưu vực sông Đồng Nai, sông Nhuệ - Đáy (VIPM)” do World Bank tài trợ với số vốn nhận ủy thác cho vay ưu đãi là 20,473 triệu USD. Mười chính sách an toàn môi trường và xã hội được áp dụng để cho vay đầu tư: Đánh giá môi trường, môi trường tự nhiên, quản lý dịch hại, người dân bản địa, tái định cư không tự nguyện, rừng, an toàn về các đập, giao thông đường thủy quốc tế.



#### 4.1.3. Thực trạng đầu tư xanh của các doanh nghiệp Việt Nam

Doanh nghiệp xanh đòi hỏi doanh nghiệp gắn kết hoạt động với trách nhiệm môi trường. Kết quả khảo sát năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2016 (PCI) cho thấy mức độ nhận biết và quan tâm về môi trường của các doanh nghiệp là: 87% các doanh nghiệp biết các quy định về môi trường, có ý thức về bảo vệ môi trường. Các doanh nghiệp sẵn sàng bỏ chi phí hợp lý cho các hoạt động vì môi trường. 35% các doanh nghiệp cho rằng ô nhiễm môi trường ảnh hưởng khá nhiều tới hoạt động sản xuất kinh doanh, một số ít cho rằng hiện trạng ô nhiễm môi trường ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp này. Tuy nhiên, chỉ có khoảng gần 20% doanh nghiệp Việt Nam thi hành đầy đủ các quy định về môi trường trong sản xuất, kinh doanh. Mâu thuẫn chủ yếu là doanh nghiệp quy mô nhỏ, nguồn kinh phí cho xử lý môi trường thấp trong khi đó chi phí xử lý môi trường thường cao và nhiều quy định phức tạp. Phần lớn các doanh nghiệp đều có quy chế nội bộ về bảo vệ môi trường, giảm mức ô nhiễm môi trường. Một trong những chính sách đó phải kể tới đó là sử dụng tiết kiệm nguyên liệu và năng lượng.

Một số doanh nghiệp điển hình trong xu hướng đầu tư xanh, cụ thể: Vingroup, Vinamilk, Tập đoàn Hoa sen,...

#### 4.2. Nhân tố tác động tới đầu tư xanh của doanh nghiệp tại Việt Nam

##### 4.2.1. Đánh giá nhân tố tác động tới phát triển bền vững của doanh nghiệp

**Bảng 1: Nhân tố tác động tới phát triển bền vững**

TT	Khảo sát	Quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Min	Max
1	Doanh nghiệp có chiến lược phát triển bền vững không?	208	0,990	0,0978	0	1
2	Doanh nghiệp bị áp lực thực hiện các chính sách, chứng chỉ theo quy định nhằm hạn chế ảnh hưởng tới môi trường không?	208	0,6153	0,487		
3	Chiến lược của doanh nghiệp gồm các cam kết về chính sách môi trường và xã hội không?	208	0,9615	0,1927		
4	Doanh nghiệp thực hiện chính sách về môi trường và xã hội trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp không?	206	0,9805	0,1383		
5	Doanh nghiệp chịu áp lực về chính sách về môi trường và xã hội so với đối thủ cạnh tranh không?	208	0,6153	0,487	0	1
6	Doanh nghiệp thực hiện các hoạt động tiết kiệm năng lượng không?	196	1,1632	0,5102		
7	Doanh nghiệp thực hiện các hoạt động sử dụng nguồn năng lượng, nguồn nước hay nguyên liệu tự nhiên có thể tái tạo không?	178	1,6966	1,0985		
8	Doanh nghiệp sử dụng nguyên liệu đầu trong sản xuất, phân phối sản phẩm giảm phát thải carbon, ô nhiễm đất, nước, chất thải tiềm tàng không?	196	0,7142	0,4529		
9	Doanh nghiệp có nhân sự phụ trách về môi trường và các phương án bảo vệ môi trường không?	196	0,7551	0,4311		
10	Doanh nghiệp có cơ sở hạ tầng đủ tiêu chuẩn để xử lý chất thải, nước thải, ô nhiễm không khí, đất, nước, tiếng ồn và phòng ngừa các sự cố môi trường không?	208	0,8846	0,3202		
11	Doanh nghiệp thường xuyên thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về môi trường cho người lao động không?	208	0,9519	0,2144		
12	Doanh nghiệp thực hiện khai thác tài nguyên thiên nhiên không?	206	0,1650	0,3721		

Bảng 1 (tiếp)

13	Doanh nghiệp cải tiến nhãn mác, bao bì, giảm tác động trong quá trình sản xuất, xử lý hàng tồn kho không tiêu thụ được đã được tái chế không?	206	0,8446	0,3637
14	Doanh nghiệp lựa chọn nhà cung cấp có trách nhiệm xã hội không?	208	0,9615	0,1926
15	Doanh nghiệp thực hiện đào tạo nhận thức môi trường chính thức trong các nhà máy; ít nhất một lần/năm không?	204	0,7941	0,4053
16	Doanh nghiệp sử dụng các sản phẩm tái chế trong sản xuất, phân phối sản phẩm không?	206	0,5728	0,4958
17	Doanh nghiệp nghiên cứu thay đổi sản phẩm mới tích hợp với bảo vệ môi trường và giảm năng lượng sử dụng không?	206	0,7864	0,4108
18	Doanh nghiệp sử dụng một phần lợi nhuận để tài trợ cho các hoạt động đào tạo và sáng kiến mới hướng tới các chương trình cải thiện môi trường và xã hội không?	206	0,7281	0,4459

*Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp.*

Nhân tố tác động tới phát triển bền vững của doanh nghiệp được thể hiện Bảng 1.

Các biến câu hỏi được khảo sát dưới dạng có hoặc không và được đưa vào mã hóa trong mô hình với thang đo nhị phân từ 0 đến 1.

Dựa vào chỉ số thống kê trung bình của các biến, có thể thấy trong tất cả các câu hỏi mang ý nghĩa tích cực về hoạt động phát triển bền vững, các giá trị trung bình đều nhận trên mức 0,5 (với thang đo từ 0 đến 1). Điều này cho thấy đa số các doanh nghiệp được khảo sát quan tâm, có hành động về vấn đề phát triển bền vững. Đặc biệt, có nhiều biến giá trị trung bình đạt trên 0,9, nghĩa là gần như tuyệt đối các doanh nghiệp đều đưa ra nhận định chung: chiến lược phát triển bền vững; cam kết về chính sách môi trường và xã hội; thực hiện chính sách về môi trường và xã hội; hoạt động tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức về môi trường cho lao động; lựa chọn nhà cung cấp có trách nhiệm xã hội.

Mặc dù vậy, các biến khảo sát về việc sử dụng các sản phẩm tái chế trong sản xuất của các doanh nghiệp còn hạn chế (giá trị trung bình của biến khảo sát < 0,7), chưa thực sự được quan tâm thỏa đáng. Một phần liên quan tới vấn đề này là vốn cần thiết cho sự đổi mới công nghệ để tăng cường sử dụng sản phẩm tái chế trong sản xuất nhằm giảm phát thải ra môi trường. Ngoài ra, các biến về việc doanh nghiệp có bị áp lực thực hiện các chính sách, chứng chỉ theo quy định nhằm hạn chế ảnh hưởng tới môi trường, doanh nghiệp có chịu áp lực về chính sách môi trường và xã hội so với đối thủ cạnh tranh có giá trị trung bình < 0,7. Kết quả khảo sát này cho thấy những chính sách về môi trường và xã hội chưa thực sự tác động mạnh tới thay đổi quan điểm trong đầu tư để phát triển bền vững của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cũng không chịu áp lực lớn từ đối thủ cạnh tranh về cung cấp các sản phẩm thân thiện với môi trường và giảm phát thải. Điều này cũng không thúc đẩy các doanh nghiệp cần thiết đổi mới công nghệ, tăng đầu tư xanh để thực hiện trách nhiệm xã hội, môi trường và quản trị.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy giá trị độ lệch chuẩn của các biến khảo sát dao động trong khoảng 0,1 đến 0,4 (với thang đo nhị phân). Đây là sự chênh lệch có thể chấp nhận, phản ánh sự tương đồng nhất định trong thực trạng phát triển bền vững tại các doanh nghiệp khảo sát.

#### 4.2.2. Đánh giá nhân tố tác động tới đầu tư xanh của doanh nghiệp

Từ kết quả khảo sát, nhân tố tác động tới đầu tư xanh trên cơ sở nhận thức về đầu tư xanh cho phát triển bền vững của doanh nghiệp được thể hiện tại Bảng 2.

Các biến khảo sát về nhận thức và quan điểm của doanh nghiệp về đầu tư xanh trên cơ sở phát triển bền vững này đều sử dụng thang đo từ 1 đến 5. Giá trị trung bình tập trung trong khoảng giá trị từ 2 đến 3, tương ứng với câu trả lời “Không đồng ý một phần” và “Đồng ý”. Đa số các phản hồi đang ở mức trung lập, các doanh nghiệp dù đồng ý với những nhận định về hoạt động đầu tư xanh nhưng không đồng ý ở mức độ cao/

**Bảng 2: Nhân tố tác động tới đầu tư xanh của doanh nghiệp**

TT	Khảo sát	Quan sát	Mean	Độ lệch chuẩn	Min	Max
<b>1</b>	<b>Đầu tư xanh là đầu tư vào các lĩnh vực?</b>				1	5
1.1	Cung cấp hàng hóa và dịch vụ môi trường	200	3,220000	0,988		
1.2	Xử lý nước thải	204	3,686275	1,002		
1.3	Bảo vệ sự đa dạng của hệ sinh thái	204	3,686275	0,920		
1.4	Bảo vệ sự đa dạng của cảnh quan thiên nhiên	202	3,613861	0,997		
1.5	Ngăn ngừa, giảm thiểu các tổn hại đến môi trường và khí hậu	204	3,784314	0,958		
1.6	Tiết kiệm năng lượng	204	3,725490	0,943		
1.7	Năng lượng tái tạo	196	3,571429	0,917		
<b>2</b>	<b>Nguồn vốn doanh nghiệp tiếp cận để tài trợ cho hoạt động đầu tư xanh, mức độ hài lòng?</b>					
2.1	Vốn tự có	160	3,125000	0,844	1	5
2.2	Vốn vay doanh nghiệp đối tác	122	2,639344	1,060		
2.3	Vốn từ phát hành trái phiếu/quỹ xanh	118	2,728814	1,122		
2.4	Vốn vay ngân hàng thương mại	126	2,650794	0,982		
2.5	Khác	34	2,705882	1,142		
<b>3</b>	<b>Doanh nghiệp đánh giá như thế nào về những ưu đãi dành cho hoạt động đầu tư xanh khi tiếp cận nguồn vốn vay</b>					
3.1	Ưu đãi về giá trị vốn	148	3,121	0,840	1	5
3.2	Ưu đãi về lãi suất vay	150	3,226	0,795		
3.3	Ưu đãi về thời hạn vay	144	3,194	0,795		
3.4	Tinh giản trong hồ sơ vay	146	3,123	0,812		
3.5	Quy trình cho vay đơn giản	142	3,169	0,872		
3.6	Thời gian xử lý hồ sơ nhanh chóng	148	3,202	0,856		
3.7	Sự hỗ trợ tuyệt đối từ phía các ngân hàng, tổ chức tín dụng	152	3,250	0,991		
3.8	Khác	30	2,933	0,944		
<b>4</b>	<b>Doanh nghiệp đánh giá như thế nào về những khó khăn khi tiếp cận nguồn vốn vay tài trợ cho hoạt động đầu tư xanh</b>					
4.1	Chứng minh dự án đầu tư xanh	166	3,024096	0,866563	1	5
4.2	Giá trị vốn vay	154	3,090909	0,902890		
4.3	Lãi suất	152	3,039474	0,788003		
4.4	Thời hạn vay	152	3,013158	0,805501		
4.5	Hồ sơ vay	148	3,054054	0,855425		
4.6	Thời gian xử lý hồ sơ vay	152	3,131579	0,851055		
4.7	Quy trình vay	146	3,013699	0,838606		
4.8	Khác	26	2,923077	0,744208		
<b>5</b>	<b>Nguồn vốn mà doanh nghiệp hướng tới để tài trợ cho dự án đầu tư xanh là gì?</b>					
5.1	Vốn tự có	158	3,189873	0,799298	1	5
5.2	Vốn vay doanh nghiệp đối tác	122	2,590164	0,968548		
5.3	Vốn vay ngân hàng thương mại	130	2,784615	0,923296		
5.4	Khác	36	2,888889	1,115547		
<b>6</b>	<b>Doanh nghiệp đánh giá như thế nào về chính sách hỗ trợ phát triển đầu tư xanh của Chính phủ?</b>					
6.1	Đầy đủ các quy định và chính sách hỗ trợ	168	3,142857	0,744527	2	5
6.2	Tính rõ ràng, minh bạch của các nội dung	166	3,337349	0,842466	1	
6.3	Sự phối hợp trong hoạt động quản lý, giám sát của các cơ quan có liên quan	164	3,231707	0,722959	2	
6.4	Đa dạng nguồn vốn tiếp cận (Ngân hàng, Quỹ đầu tư...)	162	3,296296	0,746744	2	
6.5	Những ưu đãi đặc thù dành riêng cho hoạt động đầu tư xanh	166	3,349398	0,686382	2	
6.6	Khác	34	3,411765	1,047874	1	
<b>7</b>	<b>Doanh nghiệp đánh giá như thế nào về chính sách hỗ trợ phát triển đầu tư xanh của Ngân hàng?</b>					
7.1	Có nguồn vốn hỗ trợ riêng cho đầu tư xanh	168	3,202381	0,800894	1	5
7.2	Thông tin tới khách hàng rõ ràng, minh bạch	168	3,238095	0,767905	1	
7.3	Có sự hỗ trợ trong việc giúp doanh nghiệp xác định đầu tư xanh, dự án xanh...	166	3,216867	0,747492	2	
7.4	Có những ưu đãi về lãi suất	166	3,349398	0,785223	2	
7.5	Có những ưu đãi về thời gian xử lý hồ sơ	162	3,185185	0,805434	2	
7.6	Khác	38	3,368421	1,100885	1	



---

rất cao. Điều này cũng một phần phản ánh thực trạng đầu tư xanh đang diễn ra theo chiều hướng tích cực nhưng chưa thực sự ở mức toàn diện.

Trong các nhóm biến khảo sát, mức độ hài lòng của doanh nghiệp về tiếp cận nguồn vốn để tài trợ cho hoạt động đầu tư xanh ở mức trung bình thấp. Các doanh nghiệp đang gặp khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn để thực hiện đầu tư xanh hướng tới phát triển bền vững hơn. Cơ bản các nguồn vốn tiếp cận từ doanh nghiệp đối tác, phát hành trái phiếu xanh/quỹ xanh, vay vốn từ các ngân hàng thương mại có kết quả khảo sát khá tương đồng với nhau. Việc phát hành trái phiếu xanh ở Việt Nam còn rất hạn chế. Cho tới nay, gần như chưa có trái phiếu xanh được phát hành thành công cho các hoạt động đầu tư xanh ở Việt Nam. Các doanh nghiệp cũng chưa nhận được sự hỗ trợ mạnh từ phía Chính phủ cho việc phát hành trái phiếu xanh. Gần đây, cổ phiếu xanh đã được đề cập tới trong một số diễn đàn, chính sách, quy định. Song, cho tới nay chưa ghi nhận trường hợp nào phát hành cổ phiếu xanh cho các dự án đầu tư xanh của doanh nghiệp.

Các nhóm nhân tố tác động tới đầu tư xanh của doanh nghiệp chủ yếu tập trung vào việc tiếp cận vốn của doanh nghiệp, chính sách hỗ trợ Chính phủ trong việc tiếp cận vốn của doanh nghiệp có giá trị trung bình và thấp hơn so với các nhóm nhân tố khác. Mặc dù, tín dụng là kênh huy động vốn quan trọng của doanh nghiệp, các ngân hàng thương mại cũng có quan điểm cởi mở hơn đối với các dự án đầu tư xanh, song về cơ bản khả năng tiếp cận nguồn vốn này còn hạn chế.

Các doanh nghiệp đưa ra quan điểm cho rằng Chính phủ cần có những văn bản cụ thể, chính sách cụ thể để hỗ trợ các doanh nghiệp thúc đẩy hoạt động đầu tư xanh một cách hợp lý hơn. Kết quả khảo sát giá trị trung bình của những nhân tố này trong khoảng từ 3,5-4,0. Điều này cho thấy rất cần minh bạch ưu đãi đặc thù dành cho đầu tư xanh, cũng như tổ chức tập huấn và lan toả tinh thần đầu tư xanh cho phát triển bền vững đối với các doanh nghiệp, cần có các chính sách hỗ trợ lãi suất, thời gian tiếp cận vốn cho các doanh nghiệp có các hoạt động đầu tư xanh.

Giá trị trung bình của các nhân tố khảo sát, các giá trị độ lệch chuẩn biến thiên với biên độ rộng hơn, giải thích bởi thang đo là từ 1 đến 5 thay vì từ 0 đến 1. Tuy nhiên, khi so sánh tương đối giữa các độ lệch chuẩn, nhận thấy các giá trị này dao động khá tương đồng với nhau, cho thấy các doanh nghiệp có sự đa dạng trong nhận thức về hoạt động đầu tư xanh.

## **5. Kết luận và khuyến nghị chính sách**

### **5.1. Kết luận**

Rào cản tài chính và thiếu sự hỗ trợ từ chính sách là những nhân tố trọng yếu tác động trực tiếp tới đầu tư xanh của doanh nghiệp. Kết quả này cũng phù hợp với những nghiên cứu về phát triển bền vững.

Để giảm phát thải các doanh nghiệp cần tăng cường sử dụng các vật liệu tái chế. Kết quả nghiên cứu cho thấy những dự án đầu tư xanh của doanh nghiệp còn khá ít tại Việt Nam. Phần lớn các dự án được thực hiện dưới sự hỗ trợ vốn của các tổ chức quốc tế. Việc triển khai dự án cũng gặp nhiều khó khăn do thiếu vắng các chính sách hỗ trợ với vai trò trung tâm của Chính phủ. Những áp lực cạnh tranh giữa doanh nghiệp đầu tư xanh và không đầu tư xanh chưa có nhiều khác biệt. Lấy Chính phủ là trọng tâm cho thúc đẩy đầu tư xanh, một số khuyến nghị sau đây gợi ý cho đề xuất các chính sách hỗ trợ nhằm tháo gỡ rào cản của hoạt động đầu tư xanh tại Việt Nam.

### **5.2. Một số khuyến nghị chính sách**

Một số khuyến nghị chính sách được đề xuất như sau:

Thứ nhất, Nhà nước cần thể hiện vai trò dẫn dắt trong đầu tư xanh, bằng cách xóa bỏ rào cản đối với các khoản đầu tư xanh, ưu tiên đầu tư và chi tiêu của Chính phủ trong những lĩnh vực thúc đẩy xanh hóa các thành phần kinh tế, thu hút đầu tư của khu vực tư nhân vào kinh tế xanh. Vai trò dẫn dắt còn thể hiện ở việc nâng cao nhận thức của nhà đầu tư về đầu tư xanh.

Nhà nước thiết lập những khuôn khổ pháp lý phù hợp nhằm định hướng phát triển kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh. Đặc biệt là những chính sách về tiếp cận vốn của các doanh nghiệp cho các hoạt động đầu tư xanh. Những chính sách hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế về môi trường liên quan, từ đó giúp loại bỏ các rào cản đối với các khoản đầu tư xanh và điều tiết những hành vi thiếu bền vững có hại tới môi trường.

Chính phủ Việt Nam đã từng bước tạo lập khung pháp lý, hình thành cơ chế, chính sách để thúc đẩy nền kinh tế theo hướng phát triển xanh qua việc ban hành hệ thống các luật: Luật đầu tư (năm 2014); Luật Khoa học công nghệ (ban hành năm 2000, sửa đổi năm 2013); Luật Công nghệ cao (năm 2008); Luật Sử dụng năng lượng, tiết kiệm và hiệu quả (năm 2010)... Tuy nhiên, so với nhiều nước khác, thuế suất tài nguyên của Việt Nam còn thấp. Cần có căn cứ tính phí bảo vệ môi trường một cách đầy đủ, đảm bảo mức phí phải cao hơn chi phí vận hành hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường nhằm khuyến khích doanh nghiệp triển khai các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Thứ hai, bảo đảm nguồn tài chính hỗ trợ đầu tư xanh. Tốc độ tăng trưởng của thị trường vốn, các định hướng phát triển xanh của thị trường này, sự phát triển của các công cụ thị trường mới nổi như tài chính các-bon, tài chính vi mô và các quỹ đầu tư xanh ứng phó với suy thoái kinh tế những năm gần đây đang mở ra không gian cho nguồn tài chính phục vụ cho chuyển đổi nền sang nền kinh tế xanh ở quy mô toàn cầu.

Đối với các nước đang phát triển như Việt Nam, nguồn tiếp cận vốn tài chính xanh chủ yếu là các khoản vay ưu đãi từ các tổ chức tài chính quốc tế. Tuy nhiên, để có thể tiếp cận nguồn vốn này, các quốc gia phải vượt qua được tất cả các quy định bảo đảm về môi trường và xã hội - đây là thách thức không nhỏ. Vì vậy, tín dụng ngân hàng cần phải thể hiện vai trò hơn nữa trong hoạt động đầu tư xanh tại Việt Nam. Các ngân hàng thương mại hiện nay chưa có chính sách thúc đẩy riêng biệt tài trợ vốn cho các dự án đầu tư xanh.

Thứ ba, nâng cao nhận thức và năng lực của các nhà đầu tư, các doanh nghiệp, các trung gian tài chính và các cơ quan quản lý về phát triển bền vững. Thực tế là tồn tại cách nhìn chưa chuẩn xác trong các doanh nghiệp rằng “quan tâm đến phát triển bền vững là chuyện của các doanh nghiệp lớn, nhiều tiền”. Các doanh nghiệp không phải lúc nào cũng sẵn sàng đầu tư cho các công nghệ sạch vì chi phí đầu tư cao và thời gian hoàn vốn của các khoản đầu tư thường lâu hơn các khoản đầu tư truyền thống, phần lớn các doanh nghiệp đều hướng tới mục tiêu lợi nhuận. Nói cách khác, nhận thức về phát triển bền vững của doanh nghiệp còn nhiều hạn chế.

#### **Tài liệu tham khảo:**

- Eyraud, L., Clements, B. & Wane, A. (2013), ‘Green investment: Trends and determinants’, *Energy Policy*, 60, 852-865.
- Linnanen, L. (2002), ‘An insider’s experience with environmental entrepreneurship’, *Greener Management International*, 38, 71-80.
- Marian, C.V., Mirela, P. & Irina, R. (2015), ‘Green investments - between necessity, fiscal constraints and profit’, *Procedia Economics and Finance*, 22, 72-79.
- Natural Economy Northwest (2009), *The economic benefits of Green Infrastructure: The public and business case for investing in Green Infrastructure and a review of the underpinning evidence*, England.
- OECD (2012), ‘Defining and measuring green investments: Implication for institutional investors’ asset allocations’, *Working Papers on Finance No.24, Insurance and Private Pensions*.
- Trần Thị Thanh Tú & Nguyễn Thị Nhung (2019), ‘Đầu tư xanh - cơ hội và thách thức’, *Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về Phát triển hệ thống tài chính xanh nhằm thúc đẩy kinh tế xanh - Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam*, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- UNESCAP (2010), *UNESCAP Release Asia-Pacific Disaster Report 2010*, truy cập lần cuối ngày 10 tháng 9 năm 2021, từ <<http://sdg.iisd.org/news/unisdr-unescap-release-asia-pacific-disaster-report-2010/>>.